

Hạ Long, ngày 22 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường
xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-
CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc
Sở Giáo dục và Đào tạo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ
sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017
của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân
sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán
ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ quyết định số: 1459/QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Sở
Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi
thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết
119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc
Sở Giáo dục và Đào tạo;*

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường
xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP
của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục
và Đào tạo (có quyết định đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Văn phòng, Tổ trưởng các tổ chuyên môn và toàn thể cán
bộ giáo viên, nhân viên trường THPT chuyên Hạ Long chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư, kế toán.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Diệu Thúy

Số: 1459/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là: 8.052.000.000 đồng (Tám tỷ không trăm năm mươi hai triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao: 7.544.395.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ số thu sự nghiệp và chi khác được để lại chi thường xuyên: 507.605.000 đồng.

(Các biểu chi tiết kèm theo Quyết định).

Điều 2. Số tiền tiết kiệm 5% từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của thủ tướng chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Đối với kinh phí cắt giảm, tiết kiệm từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên: trích vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để tăng đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp. Các đơn vị sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC₀₇.

Ký bởi: Chu Việt Phương

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thúy

**KINH PHÍ TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
VÀ TỪ NGUỒN THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 459/QĐ-SGDĐT ngày 16 /10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Kinh phí 5% tiết kiệm				
		Tổng cộng	Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2024	Bao gồm		Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên
				Trong đó		
				Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	Tổng số	8.052.000.000	7.544.395.000	2.464.620.000	5.079.775.000	507.605.000
I	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	1.965.580.000	1.965.580.000	185.480.000	1.780.100.000	
II	Các đơn vị trực thuộc	6.086.420.000	5.578.815.000	2.279.140.000	3.299.675.000	507.605.000
1	Trường THPT Bạch Đằng	177.943.000	162.343.000	63.700.000	98.643.000	15.600.000
2	Trường THPT Bãi Cháy	505.207.000	477.782.000	54.250.000	423.532.000	27.425.000
3	Trường THPT Cẩm Phả	164.775.000	118.900.000	51.800.000	67.100.000	45.875.000
4	Trường THPT Cửa Ông	320.550.000	320.550.000	39.950.000	280.600.000	-
5	Trường THPT Đông Thành	90.775.000	75.400.000	45.000.000	30.400.000	15.375.000
6	Trường THPT Đông Triều	126.274.000	117.079.000	53.329.000	63.750.000	9.195.000
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	111.550.000	102.500.000	44.300.000	58.200.000	9.050.000
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	163.775.000	144.800.000	53.250.000	91.550.000	18.975.000
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	88.475.000	82.050.000	43.000.000	39.050.000	6.425.000
10	Trường THPT Hoành Bồ	104.875.000	94.850.000	47.900.000	46.950.000	10.025.000
11	Trường THPT Hòn Gai	315.545.000	315.545.000	124.095.000	191.450.000	-
12	Trường THPT Lê Chân	109.540.000	94.450.000	50.000.000	44.450.000	15.090.000
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	91.525.000	91.525.000	45.625.000	45.900.000	-
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	110.025.000	106.650.000	54.500.000	52.150.000	3.375.000
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	94.040.000	91.256.000	44.406.000	46.850.000	2.784.000
16	Trường THPT Minh Hà	150.690.000	139.200.000	65.500.000	73.700.000	11.490.000

17	Trường THPT Mông Dương	76.350.000	76.350.000	38.300.000	38.050.000	-
18	Trường THPT Ngô Quyền	157.625.000	132.250.000	28.150.000	104.100.000	25.375.000
19	Trường PT DTNT THCS&THPT tỉnh	289.433.000	242.550.000	94.750.000	147.800.000	46.883.000
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	350.425.000	335.150.000	198.950.000	136.200.000	15.275.000
21	Trường THPT Trần Phú	139.100.000	111.100.000	56.200.000	54.900.000	28.000.000
22	Trường THPT Uông Bí	186.675.000	176.750.000	84.950.000	91.800.000	9.925.000
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	101.200.000	56.650.000	4.800.000	51.850.000	44.550.000
24	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	73.725.000	73.725.000	18.275.000	55.450.000	-
25	Trường THPT Đàm Hà	158.396.000	145.250.000	106.700.000	38.550.000	13.146.000
26	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	84.013.000	77.150.000	42.600.000	34.550.000	6.863.000
27	Trường THCS-THPT Hải Đông	118.300.000	118.300.000	84.550.000	33.750.000	-
28	Trường THPT Quảng Hà	152.880.000	139.460.000	46.510.000	92.950.000	13.420.000
29	Trường THCS&THPT Tiên Yên	111.018.000	108.500.000	55.400.000	53.100.000	2.518.000
30	Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên	126.113.000	106.400.000	76.950.000	29.450.000	19.713.000
31	Trường THPT Ba Chẽ	88.060.000	76.900.000	36.450.000	40.450.000	11.160.000
32	Trường THPT Bình Liêu	179.290.000	164.600.000	73.800.000	90.800.000	14.690.000
33	Trường THPT Cô Tô	100.140.000	93.050.000	63.900.000	29.150.000	7.090.000
34	Trường THCS&THPT Hoàn Hạ	210.900.000	210.900.000	100.200.000	110.700.000	-
35	Trường THCS-THPT Quan Lạn	102.357.000	90.050.000	72.800.000	17.250.000	12.307.000
36	Trường THCS-THPT Quảng Là	139.736.000	124.900.000	67.350.000	57.550.000	14.836.000
37	Trường THPT Hải Đảo	415.120.000	383.950.000	46.950.000	337.000.000	31.170.000

BIỂU B01: TIẾT KIỂM 5% DỰ TOÁN CHI THUƯỜNG XUYỀN NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
A	B	I	2=3+,,,14	3	4	5	6	7	14	15=I-2	16=15*5%
	Tổng cộng	585.477	434.581	298.010	7.076	-	122.012	7.010	473	150.895	7.544,395
I	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	66.241	26.922	7.510	413	0	18.526	0	473	39.319	1.965,580
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	11.281	7.564	7.151	413					3.717	185,480
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	54.960	19.358	359	0	0	18.526	0	473	35.602	1.780,100
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	8.164	8.164				8.164			-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	359	359	359						-	-
	Khen thưởng toàn ngành	7.504	7.504				7.504			-	-
	Kiểm định chất lượng giáoo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	1.943	1.943				1.943			-	-
	Trợ cấp Tết cho các đối tượng xã hội (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 265/QĐ-UBND ngày 23/01/2024)	242	242				242			-	-
	Hoạt động chuyên môn	21.177	-							21.177	1.058,850
	Hội khoẻ Phù đồng	10.977	-							10.977	548,850
	Tập huấn cho giáo viên Chương trình giáoo dục phổ thông mới	1.784	-							1.784	89,200
	Chi đảm bảo xã hội	385	385						385	-	-
	Đào tạo bồi dưỡng (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 940/QĐ-UBND ngày 29/3/2024)	600	600				600			-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
2	Trường THPT Bãi Cháy	23.106	13.551	10.368	233	-	2.950	-	-	9.556	477,782
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	11.686	10.601	10.368	233					1.085	54,250
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	11.420	2.950	-	-	-	2.950	-	-	8.471	423,532
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	148	148				148			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	394	394				394			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	328	-							328	16,400
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	2.408	2.408				2.408			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	2.143	-							2.143	107,132
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)	6.000	-							6.000	300,000
3	Trường THPT Cẩm Phả	17.602	15.224	11.820	262	-	3.142	-	-	2.378	118,900
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	13.118	12.082	11.820	262					1.036	51,800
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.484	3.142	-	-	-	3.142	-	-	1.342	67,100
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	168	168				168			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-

[illegible]

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)	980	980					980		-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT	90	-							90	4,500
6	Trường THPT Đông Triều	13.474	11.132	8.638	198	-	2.296	-	-	2.342	117,079
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	9.903	8.836	8.638	198					1.067	53,329
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.571	2.296	-	-	-	2.296	-	-	1.275	63,750
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	73	73				73			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	186	186				186			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	292	-							292	14,600
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	2.037	2.037				2.037			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	983	-							983	49,150
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	10.396	8.346	6.632	153	-	1.561	-	-	2.050	102,500
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	7.671	6.785	6.632	153					886	44,300

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	2.725	1.561	-	-	-	1.561	-	-	1.164	58,200
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	48	48				48			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	46	46				46			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	215	-							215	10,750
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.467	1.467				1.467			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	873	-							873	43,650
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT	76	-							76	3,800
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	13.782	10.886	8.551	196	-	2.139	-	-	2.896	144,800
	<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	9.812	8.747	8.551	196					1.065	53,250
	<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	3.970	2.139	-	-	-	2.139	-	-	1.831	91,550
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	53	53				53			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	127	127				127			-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
11	Trường THPT Hòn Gai	24.451	18.140	13.234	320	-	4.586	-	-	6.311	315,545
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	16.036	13.554	13.234	320					2.482	124,095
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.415	4.586	-	-	-	4.586	-	-	3.829	191,450
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	134	134				134			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	418	418				418			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	454	-							454	22,700
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	3.599	3.599				3.599			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	3.375	-							3.375	168,750
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	435	435				435				

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
12	Trường THPT Lê Chân	11.250	9.361	7.475	172	-	1.714	-	-	1.889	94,450
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	8.647	7.647	7.475	172					1.000	50,000
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.603	1.714	-	-	-	1.714	-	-	889	44,450
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	75	75				75			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	215	215				215			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	270	-							270	13,500
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.424	1.424				1.424			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	619	-							619	30,950
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	8.114	6.284	4.759	115	-	1.410	-	-	1.831	91,525
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	5.786	4.874	4.759	115					913	45,625
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.328	1.410	-	-	-	1.410	-	-	918	45,900

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	20	20				20			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	256	256				256			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170	-							170	8,500
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.134	1.134				1.134			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	748	-							748	37,400
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	10.921	8.788	6.344	151	-	2.293	-	-	2.133	106,650
	<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.585	6.495	6.344	151					1.090	54,500
	<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	3.336	2.293	-	-	-	2.293	-	-	1.043	52,150
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	698	698				698			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	237	237				237			-	-

[illegible]

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)	2.400	2.400					2.400		-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
17	Trường THPT Mông Dương	7.860	6.333	4.328	104	-	1.901	-	-	1.527	76,350
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	5.198	4.432	4.328	104					766	38,300
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.662	1.901	-	-	-	1.901	-	-	761	38,050
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	709	709				709			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	112	112				112			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170	-							170	8,500
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.080	1.080				1.080			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	591	-							591	29,550
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
18	Trường THPT Ngô Quyền	12.239	9.594	7.166	157	-	2.271	-	-	2.645	132,250
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	7.886	7.323	7.166	157					563	28,150
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.353	2.271	-	-	-	2.271	-	-	2.082	104,100
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	167	167				167			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	433	433				433			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	243	-							243	12,150
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.671	1.671				1.671			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.765	-							1.765	88,250
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT	74	-							74	3,700
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
19	Trường PT DTNT THCS&THPT tỉnh	22.554	17.703	9.708	209	-	7.786	-	-	4.851	242,550
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	10.521	8.626	8.417	209					1.895	94,750
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	12.033	9.077	1.291	-	-	7.786	-	-	2.956	147,800

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	893	893				893			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	6.893	6.893				6.893			-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật		-							-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198	-							198	9,900
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)		-							-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.158	-							1.158	57,900
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	971	971	971						-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	120	120	120						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	200	200	200						-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	1.600	-							1.600	80,000
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	45.710	39.007	20.632	502	-	17.873	-	-	6.703	335,150
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	25.113	21.134	20.632	502					3.979	198,950
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	20.597	17.873	-	-	-	17.873	-	-	2.724	136,200
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	46	46				46			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật		-							-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	543	-							543	27,150
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	2.412	2.412				2.412			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	2.097	-							2.097	104,850
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT	84	-							84	4,200
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	14.454	14.454				14.454			-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	280	280				280			-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	681	681				681			-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
21	Trường THPT Trần Phú	16.240	14.018	10.133	229	-	3.656	-	-	2.222	111,100
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	11.486	10.362	10.133	229					1.124	56,200
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.754	3.656	-	-	-	3.656	-	-	1.098	54,900
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	956	956				956			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	261	261				261			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	336	-							336	16,800
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	2.439	2.439				2.439			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	709	-							709	35,450
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	2.466	2.466				2.466			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.425	-							1.425	71,250
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT	83	-							83	4,150
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	9.226	8.093	6.443	133	-	1.517	-	-	1.133	56,650
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	6.672	6.576	6.443	133					96	4,800
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.554	1.517	-	-	-	1.517	-	-	1.037	51,850
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	57	57				57			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	120	120				120			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198	-							198	9,900
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.340	1.340				1.340			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	839	-							839	41,950
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
24	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	6.669	5.195	4.021	89	-	1.085	-	-	1.475	73,725
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	4.475	4.110	4.021	89					366	18,275

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.194	1.085	-	-	-	1.085	-	-	1.109	55,450
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	12	12				12			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	28	28				28			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	190	-							190	9,500
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.045	1.045				1.045			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	919	-							919	45,950
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
25	Trường THPT Đàm Hà	12.448	9.543	8.219	203	-	1.121	-	-	2.905	145,250
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	10.236	8.102	7.899	203					2.134	106,700
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.212	1.441	320	-	-	1.121	-	-	771	38,550
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	280	280				280			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	88	88				88			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	310	-							310	15,500
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	753	753				753			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	461	-							461	23,050
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	160	160	160						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	40	40	40						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
27	Trường THCS-THPT Hải Đông	9.612	7.246	6.257	146	-	843	-	-	2.366	118,300
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	7.373	5.682	5.536	146					1.691	84,550
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.239	1.564	721	-	-	843	-	-	675	33,750
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	281	281				281			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	105	105				105			-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	273	-							273	13,650
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	457	457				457			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	402	-							402	20,100
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	240	240	240						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	481	481	481						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
28	Trường THPT Quảng Hà	12.446	9.657	7.458	171	-	2.028	-	-	2.789	139,460
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	8.559	7.629	7.458	171					930	46,510
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.887	2.028	-	-	-	2.028	-	-	1.859	92,950

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	418	418				418			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	48	48				48			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	251	-							251	12,550
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.562	1.562				1.562			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.608	-							1.608	80,400
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
29	Trường THCS&THPT Tiên Yên	10.568	8.398	6.060	139	-	2.199	-	-	2.170	108,500
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	6.987	5.879	5.740	139					1.108	55,400
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.581	2.519	320	-	-	2.199	-	-	1.062	53,100
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.156	1.156				1.156			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	45	45				45			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	186	-							186	9,300
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	998	998				998			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	820	-							820	41,000
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT	56	-							56	2,800
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)	2.650	2.650					2.650		-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	932	932	932						-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	80	80	80						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	160	160	160						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
31	Trường THPT Ba Chẽ	10.254	8.716	5.859	133	-	2.724	-	-	1.538	76,900
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	6.361	5.632	5.499	133					729	36,450
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.893	3.084	360	-	-	2.724	-	-	809	40,450
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.824	1.824				1.824			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	45	45				45			-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170	-							170	8,500
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	855	855				855			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	639	-							639	31,950
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	120	120	120						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	240	240	240						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
32	Trường THPT Bình Liêu	11.380	8.088	6.405	163	-	1.520	-	-	3.292	164,600
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	7.804	6.328	6.165	163					1.476	73,800
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.576	1.760	240	-	-	1.520	-	-	1.816	90,800

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	984	984				984			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	161	161				161			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	210	-							210	10,500
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	375	375				375			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.606	-							1.606	80,300
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	120	120	120						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	120	120	120						-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
33	Trường THPT Cô Tô	8.348	6.487	5.798	124	-	565	-	-	1.861	93,050
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	5.970	4.692	4.568	124					1.278	63,900
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.378	1.795	1.230	-	-	565	-	-	583	29,150
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	172	172				172			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	35	35				35			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	141	-							141	7,050
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	358	358				358			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	442	-							442	22,100
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	40	40	40						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	80	80	80						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Hỗ trợ theo NQ 25 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2082/QĐ-UBND ngày 17/7/2024)	1.110	1.110	1.110						-	-
34	Trường THCS&THPT Hoàn Mỹ	15.530	11.312	8.460	188	-	2.664	-	-	4.218	210,900
	<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	9.029	7.025	6.837	188					2.004	100,200
	<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	6.501	4.287	1.623	-	-	2.664	-	-	2.214	110,700
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	2.073	2.073				2.073			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	229	229				229			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	278	-							278	13,900
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	362	362				362			-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.936	-							1.936	96,800
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	160	160	160						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	200	200	200						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Hỗ trợ theo NQ 25 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2082/QĐ-UBND ngày 17/7/2024)	1.263	1.263	1.263						-	-
35	Trường THCS-THPT Quan Lạn	10.153	8.352	7.407	145	-	800	-	-	1.801	90,050
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	7.313	5.857	5.712	145					1.456	72,800
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.840	2.495	1.695	-	-	800	-	-	345	17,250
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	326	326				326			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	25	25				25			-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	194	-							194	9,700
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	449	449				449			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	151	-							151	7,550
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	120	120	120						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	80	80	80						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Hỗ trợ theo NQ 25 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2082/QĐ-UBND ngày 17/7/2024)	1.495	1.495	1.495						-	-
36	Trường THCS-THPT Quảng La	9.562	7.064	6.179	148	-	737	-	-	2.498	124,900

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	7.474	6.127	5.979	148					1.347	67,350
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.088	937	200	-	-	737	-	-	1.151	57,550
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	226	226				226			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	126	126				126			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	242	-							242	12,100
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	385	385				385			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	909	-							909	45,450
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-							-	-
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-							-	-
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	120	120	120						-	-

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	80	80	80						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Hỗ trợ theo NQ 25 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2082/QĐ-UBND ngày 17/7/2024)		-							-	-
37	Trường THPT Hải Đảo	21.151	13.472	10.524	224	-	2.724	-	-	7.679	383,950
	<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	11.247	10.308	10.084	224					939	46,950
	<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	9.904	3.164	440	-	-	2.724	-	-	6.740	337,000
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	886	886				886			-	-
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-							-	-
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	160	160				160			-	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	321	-							321	16,050
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1678	1.678				1678			-	-
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1661	-							1.661	83,050
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)	4708	-							4.708	235,400
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT	50	-							50	2,500

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024								Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Các khoản được loại trừ theo quy định							
				Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024	Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-							-	-
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động heo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		-							-	-
	Bổ sung hợp đồng lao động (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	160	160	160						-	-
	Bổ sung biên chế(Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)	280	280	280						-	-
	Bổ sung phương tiện phục vụ công tác (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)		-							-	-
	Hỗ trợ theo NQ 25 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 2082/QĐ-UBND ngày 17/7/2024)		-							-	-